

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 429/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 7 - 2024

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Quang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Bờ.

Bà Nguyễn Thị Thu Sương.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Thanh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 377/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Thu T, sinh năm 1990; cư trú tại: tổ 09, ấp MB, xã TMT, huyện CP, tỉnh An Giang (có mặt).

- **Bị đơn:** Ông Võ Phương L, sinh năm 1989; cư trú tại: tổ 09, ấp MB, xã TMT, huyện CP, tỉnh An Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/11/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Thu T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: bà và ông L do quen biết, tìm hiểu nên tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TMT vào ngày 09/3/2009. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên thường xảy ra tranh cãi làm ảnh hưởng hạnh phúc gia đình.

Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với ông L.

- Về con chung: có 02 (hai) con chung tên: Võ Phước T, sinh ngày 14/10/2009 và Võ Ngọc N, sinh ngày 23/12/2016. Hiện con chung tên Võ Phước T đang sống với ông L, con chung tên Võ Ngọc N đang sống với bà. Khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Võ Ngọc N, không yêu cầu ông L cấp dưỡng cho con chung. Đối với con chung tên Võ Phước T khi ly hôn bà T đồng ý để ông L tiếp tục nuôi dưỡng, bà T không cấp dưỡng cho con chung. Đối với yêu cầu cấp dưỡng cho con bà T xin rút lại.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Lời khai của bị đơn ông Võ Phương L trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: thống nhất vợ chồng do quen biết, tìm hiểu nên tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TMT. Trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn dẫn đến tranh cãi nhưng mâu thuẫn chưa trầm trọng, hiện đã ly thân khoảng 03 tháng nay. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý.

- Về con chung: thống nhất có 02 (hai) con chung tên Võ Phước T, sinh ngày 14/10/2009 và Võ Ngọc N, sinh ngày 23/12/2016. Hiện con chung tên Võ Phước T đang sống với ông, con chung tên Võ Ngọc N đang sống với bà T. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T thì về con chung ông có yêu cầu như sau:

+ Một là, giao 02 (hai) con chung cho ông trực tiếp nuôi dưỡng, ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

+ Hai là, giao 02 (hai) con chung cho bà T nuôi dưỡng nhưng với điều kiện bà T phải trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung, ông không cấp dưỡng nuôi con.

+ Ba là, ông yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Võ Phước T, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Ông đồng ý giao con chung tên Võ Ngọc N cho bà T nuôi dưỡng nhưng với điều kiện bà T phải trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn bà Lê Thị Thu T trình bày: vợ chồng không quan tâm, không chăm sóc nhau trong thời gian dài. Khi còn sống chung ông L đi đâu và làm gì rất ít khi cho bà biết nên từ đó mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng. Bà đã cho ông L nhiều cơ hội để thay đổi và hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả. Hiện bà không còn tình cảm với ông L nên bà cương quyết ly hôn. Về con chung: yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Võ Ngọc N, không yêu cầu ông L cấp dưỡng cho con; đồng ý để ông L nuôi dưỡng con chung tên Võ Phước T,

bà không cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Võ Phương L trình bày: thống nhất khi còn sống chung vợ chồng không quan tâm, chăm sóc nhau trong thời gian dài. Ông và bà T đã sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay. Hiện ông vẫn còn tình cảm với bà T nên không đồng ý ly hôn. Nếu yêu cầu ly hôn của bà T được chấp nhận thì ông yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Võ Phước T, không yêu cầu bà T cấp dưỡng cho con; đối với con chung tên Võ Ngọc N ông đồng ý để bà T tiếp tục nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T, cho bà T ly hôn với ông L.

- Về con chung: đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung tên Võ Ngọc N, sinh ngày 23/12/2016 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung tên Võ Phước T, sinh ngày 14/10/2009 cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: do bà T rút lại yêu cầu ông L cấp dưỡng cho con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này; không đề nghị xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con chung do bà T và ông L không yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn cư trú tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý giải quyết là đúng với quy định pháp luật.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn rút lại yêu cầu bị đơn cấp dưỡng cho con chung. Xét thấy, nguyên đơn rút lại yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ đối với yêu cầu cấp dưỡng cho con chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà T và ông L xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TMT. Do đó, hôn nhân giữa bà T và

ông L là hợp pháp nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 9, Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình. Bà T yêu cầu được ly hôn nhưng ông L xin đoàn tụ. Bà T và ông L thống nhất nguyên nhân để bà T ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không quan tâm, không chăm sóc nhau trong một thời gian dài và đã ly thân từ đầu năm 2024.

[2.2] Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và phải có nghĩa vụ chung sống với nhau. Tuy nhiên, bà T và ông L đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình nên làm cho hôn nhân lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải để bà T và ông L đoàn tụ nhưng không thành. Qua đó, cho thấy hôn nhân giữa bà T và ông L không thể hàn gắn. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.3] Về con chung: bà T và ông L có 02 (hai) con chung tên Võ Phước T, sinh ngày 14/10/2009 và Võ Ngọc N, sinh ngày 23/12/2016. Khi ly hôn bà T và ông L thống nhất: giao con chung tên Võ Phước T cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung tên Võ Ngọc N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, để ổn định về tâm lý cũng như ổn định về môi trường sống, điều kiện học tập, nơi ở, đảm bảo sự phát triển bình thường và nguyện vọng của các con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung tên Võ Ngọc N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung tên Võ Phước T cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.4] Về cấp dưỡng: do bà T và ông L không yêu cầu cấp dưỡng cho con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự: bà T phải chịu 300.000đ án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông L không phải chịu án phí sơ thẩm.

[4] Xét các đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217; khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu T về yêu cầu ông Võ Phương L cấp dưỡng cho con chung.

2. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận cho Lê Thị Thu T được ly hôn với ông Võ Phương L.

3. Về con chung: bà Lê Thị Thu T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Võ Ngọc N, sinh ngày 23/12/2016. Ông Võ Phương L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Võ Phước T, sinh ngày 14/10/2009.

4. Về cấp dưỡng: bà Lê Thị Thu T và ông Võ Phương L không yêu cầu cấp dưỡng cho con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí dân sự: bà Lê Thị Thu T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005568 ngày 03 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

7. Về quyền kháng cáo: đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- CCTHADS huyện Châu Phú;
- Đương sự;
- UBND xã TMT;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Quang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Bờ

Nguyễn Thị Thu Sương

Trần Văn Quang

